

Số: **174**/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Đề nghị thông qua Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000
Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030,
định hướng đến năm 2045**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ trong giai đoạn trước đây chỉ dự kiến quy hoạch với diện tích 28ha (trong đó bao gồm: 5,55ha bãi chôn lấp cũ và xây dựng mở rộng thêm 22,45ha; phạm vi phục vụ cho thành phố Quảng Ngãi và các huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành), quy mô này chỉ có khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý đến năm 2022. Ngày 17/6/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Kết luận số 1521-KL/TU, trong đó khẳng định khu xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ phải quy hoạch, đầu tư xây dựng thành khu vực trọng điểm xử lý rác thải của tỉnh; theo đó phải nghiên cứu quy hoạch mở rộng cả về phạm vi ranh giới, diện tích lẫn phạm vi phục vụ Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ để phát triển thành khu liên hợp nhiều nhà máy với công nghệ hiện đại, trong đó kết hợp chôn lấp, xử lý, tái chế chất thải rắn, tái tạo năng lượng và các loại hình phụ trợ khác có liên quan đến chất thải rắn đảm bảo phục vụ nhu cầu chôn lấp và xử lý theo công nghệ đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Ranh giới diện tích khu vực dự kiến mở rộng sau năm 2022 nằm trong phạm vi bán kính 1000m, tính từ ranh giới khu xử lý diện tích 28ha.

Chính vì vậy, để đáp ứng yêu cầu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn dài hạn, đảm bảo theo đúng định hướng mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra; đồng thời làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các dự án đầu tư và phục vụ công tác quản lý, việc lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết và cấp bách.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; theo đó, tại khoản 9 Điều 28 của Luật này đã sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật Xây dựng có quy định: (1) Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng do Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt; (2) Trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thì phải được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020, đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 thuộc loại đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng, UBND có trách nhiệm tổ chức lập, trình HĐND tỉnh thông trước khi phê duyệt theo thẩm quyền như quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng (UBND các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có **trách nhiệm trình HĐND cùng cấp quyết định** trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt);

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

2. Phạm vi, đối tượng lập quy hoạch

Phạm vi Quy hoạch phân khu xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 phục vụ cho khu vực thành phố Quảng Ngãi và các huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung tại khu vực và một phần thuộc Khu kinh tế Dung Quất.

Đối tượng lập bao gồm: Xử lý chất thải rắn thông thường (*sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, bùn thải thoát nước và phân bùn bề mặt*) và xử lý chất thải rắn nguy hại (*công nghiệp, nông nghiệp và y tế*).

3. Vị trí, giới hạn khu đất lập quy hoạch

- Địa điểm: Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa và các xã: Hành Dũng, Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Diện tích nghiên cứu, khảo sát khoảng 200ha. Diện tích lập quy hoạch Khu liên hợp mở rộng khoảng 137ha (kể cả 28ha đã thực hiện); trong đó: huyện Tư Nghĩa có quy mô diện tích khoảng 87,5 ha và huyện Nghĩa Hành có quy mô diện tích khoảng 49,5 ha.

- Giới cận:

+ Phía Đông: Giáp đường liên xã và đất sản xuất nông nghiệp thuộc thôn Xuân An, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành.

+ Phía Tây: Giáp kênh chính Nam và mỏ đá An Hội.

+ Phía Nam: Giáp kênh chính Nam, khu dân cư và đất sản xuất nông nghiệp thuộc thôn An Định, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành.

+ Phía Bắc: Giáp kênh N8, khu dân cư và đất sản xuất nông nghiệp thuộc thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa.

4. Tính chất: Là khu liên hợp xử lý chất thải rắn tập trung của tỉnh, bao gồm nhiều nhà máy với công nghệ hiện đại, trong đó kết hợp chôn lấp, xử lý tái chế chất thải rắn tái tạo năng lượng và các loại hình phụ trợ khác có liên quan đảm bảo phục vụ cho nhu cầu chôn lấp và xử lý chất thải rắn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Áp dụng theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD.

+ Đô thị loại II (hướng theo chỉ tiêu đô thị loại I): 1,3kg/người/ngày.

+ Đô thị loại V (hướng theo chỉ tiêu đô thị loại IV): 0,9kg/người/ngày.

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp: Tối thiểu 0,3 tấn/ha.

- Khối lượng chất thải rắn xây dựng: Tính bằng 10% khối lượng CTR sinh hoạt.

- Khối lượng chất thải rắn nông nghiệp: Tính theo tỉ lệ sản lượng trồng trọt và số lượng gia súc chăn nuôi.

- Khối lượng bùn thải:

+ Bùn thải thoát nước: Tại thành phố Quảng Ngãi khoảng $0,03\text{m}^3$ /người/năm, tại các thị trấn khoảng $0,02\text{m}^3$ /người/năm.

+ Bùn thải bể tự hoại: Khoảng $0,05\text{m}^3$ /người/năm.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đến năm 2030: Tại thành phố Quảng Ngãi là 100%; tại thị trấn thuộc các huyện là 90% khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh. Đến năm 2045 là 100% khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom.

+ Khu vực nông thôn: Đến năm 2030 là 80%, đến năm 2045 là 90% khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn công nghiệp: 100% tổng khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn nông nghiệp: Thông thường đến năm 2030 60%, đến năm 2045 là 70%; nguy hại 100%.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn y tế: 100% tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn xây dựng: Trên 70% tổng lượng chất thải xây dựng phát sinh tại đô thị được thu gom xử lý, trong đó trên 40% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế.

- Tỷ lệ thu gom bùn thải:

+ Tỷ lệ thu gom bùn thải hệ thống thoát nước đô thị đến năm 2030 tại thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030 là 100%, tại các huyện là 80%; đến năm 2045 là 100%.

+ Tỷ lệ thu gom bùn thải từ bể phốt đến năm 2030 tại thành phố Quảng Ngãi là 70%, các huyện là 50%; đến năm 2045 tại thành phố Quảng Ngãi là 90%, tại các huyện là 70%.

6. Dự báo nhu cầu thu gom, xử lý chất thải rắn

TT	Loại chất thải rắn	Dự báo		Nhu cầu diện tích mở rộng đến năm 2045 (ha)
		Đến năm 2030	Đến năm 2045	
1	CTR sinh hoạt và công nghiệp (tấn/ngày)	1.200 ¹	1.500 ²	38,22 ³
1.1	CTR sinh hoạt (tấn/ngày)	850	1.100	
1.2	CTR công nghiệp thông thường và nguy hại (tấn/ngày)	350	400	
2	CTR nông nghiệp (tấn/ngày)	500	560	11
3	CTR y tế nguy hại (tấn/ngày)	0,4	0,5	0,8
4	CTR xây dựng (tấn/ngày)	75	95	5,3
5	Bùn thải (Tấn/ngày)	78	111	4,4
	Tổng cộng	1.853,4	2.266,5	65,5

¹ Đến năm 2030 mở rộng xử lý thêm 950 tấn/ngày, so với hiện trạng xử lý 250 tấn/ngày.

² Đến năm 2045 mở rộng xử lý thêm 300 tấn/ngày so với năm 2030.

³ Không bao gồm KXL CTR hiện trạng 250 tấn/ngày.

7. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	XLHT	Nhà máy xử lý CTR Nghĩa Kỳ (hiện trạng)	11,00	8,03
2	XLYT	Khu xử lý chất thải Y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi (hiện trạng)	0,80	0,58
3	XL-CL	Khu liên hợp xử lý CTR và chôn lấp hợp vệ sinh	5,60	4,09
4	BCL	Bãi chôn lấp hợp vệ sinh	10,76	7,85
5	DH	Khu đất Điều hành – Dịch vụ	2,20	1,61
6	KXL	Khu liên hợp xử lý CTR	44,00	32,12
7	KXLN	Khu xử lý chất thải nông nghiệp	11,10	8,10
8	CLCV	Khu chôn lấp chất thải vô cơ	5,39	3,93
9	KXLB	Khu xử lý bùn thải	4,44	3,24
10		Đất cây xanh	24,85	18,14
10.1	CX-MN	Đất cây xanh cảnh quan – Mặt nước	7,53	5,50
10.2	CXCL	Đất cây xanh cách ly	17,32	12,64
11	HT	Đất hạ tầng kỹ thuật	1,52	1,11
12	GT	Đất giao thông	15,34	11,20
Tổng cộng			137,00	100,00

8. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

- Không gian quy hoạch được hình thành trên cơ sở khai thác và tận dụng điều kiện địa hình tự nhiên. Phân khu chức năng hợp lý, giao thông thuận tiện tính kết nối cao, công trình kiến trúc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ, hệ thống cây xanh được lồng ghép vào các khu chức năng nhằm đảm bảo cảnh quan và góp phần cải thiện môi trường.

- Kiến trúc khu điều hành: Khu điều hành là bộ mặt, điểm nhấn của toàn khu quy hoạch, là nơi làm việc, sinh hoạt và tiếp cận gần nhất tuyến giao thông chính, tổ chức không gian kiến trúc cần kết hợp hài hòa giữa các thể loại nhà vừa đáp ứng nhu cầu làm việc, sinh hoạt cho con người, đồng thời tạo được sự phong phú đa dạng về hình khối và tổ chức không gian. Lựa chọn công trình phù hợp với môi trường, hài hòa giữa thiên nhiên, khí hậu và con người, tạo môi trường thân thiện, đáp ứng được điều kiện thích hợp với các khu vực xung quanh.

- Khu vực nhà xưởng, công trình trong từng khu xử lý: Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tổ chức sản xuất thuận lợi và hợp lý. Bố trí các công trình phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, cảnh

quan, hài hoà với các quần thể kiến trúc khác trong khu vực và đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy nổ. Những công trình có thải chất độc hại, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở cuối hướng gió chính so với các khu khác và có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, tác động môi trường. Tại các khu chức năng xử lý chất thải rắn, chỉ giới xây dựng cách ranh giới khu đất tối thiểu 12m và bố trí trồng cây xanh cách ly cho từng khu vực nhà máy, cơ sở xử lý CTR.

- Cây xanh cảnh quan: Tạo một môi trường thoáng mát và điều hòa vi khí hậu trong khu vực vừa góp phần thu gom nước mặt, ứng phó với môi trường xử lý nước thải. Dọc các tuyến đường trồng cây bóng mát, tán rộng, thích nghi với khí hậu và môi trường địa phương, dễ chăm sóc, không cản tầm nhìn giao thông và xanh quanh năm. Công viên có thể kết hợp làm vườn ươm, trồng đa dạng các chủng loại cây thân thiện với môi trường.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

a1) Giao thông đối ngoại:

- Đầu tư mới tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu liên hợp (phía Bắc ranh giới Quy hoạch khu liên hợp) với chiều dài khoảng 4.000m; nền đường rộng 9,00m; mặt đường rộng 8,00m. Hướng tuyến theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

- Đầu tư tuyến đường ĐT.623B đi nghĩa địa thành phố, đoạn từ ngã ba đến khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ với chiều dài khoảng 920m; nền đường rộng 9,00m; mặt đường rộng 8,00m. Hướng tuyến theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

- Tuyến đường ĐH54 đi thị trấn Chợ Chùa được giữ nguyên theo hiện trạng với mặt cắt nền đường rộng khoảng 7,00m - 11,00m; mặt đường rộng khoảng 5,00m - 6,00m.

a2) Giao thông đối nội:

Giao thông nội bộ trong Khu liên hợp chất thải rắn được tổ chức hợp lý nhằm đảm bảo hướng tiếp cận đến từng khu chức năng; gồm các loại như sau:

- Loại có mặt cắt ngang rộng 20,50m (kí hiệu mặt cắt 1-1); trong đó: lòng đường rộng 10,50m; vỉa hè (trồng cỏ) mỗi bên rộng 5,00m.

- Loại có mặt cắt ngang rộng 30,50m (kí hiệu mặt cắt 2-2); trong đó: lòng đường rộng 10,50m; vỉa hè (trồng cỏ) mỗi bên rộng 10,00m.

- Loại có mặt cắt ngang rộng 25,50m (kí hiệu mặt cắt 3-3); trong đó: lòng đường rộng 10,50m; vỉa hè (trồng cỏ) bên trái tuyến rộng 5,00m; vỉa hè bên phải tuyến rộng 10,00m.

- Loại có mặt cắt ngang rộng 22,50m (kí hiệu mặt cắt 4-4); trong đó: lòng đường rộng 7,50m; vỉa hè (trồng cỏ) bên trái tuyến rộng 5,00m; vỉa hè (trồng cỏ) bên phải tuyến rộng 10,00m.

- Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi) cách chỉ giới đỏ tối thiểu là 20m để trồng cây xanh cách ly cho từng khu vực nhà nhà máy, cơ sở xử lý CTR.

b) Quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

b1) San nền:

- Tận dụng đất đào các hạng mục (*nền đường, thoát nước mưa, thoát nước thải, đất đào san nền*) để đắp đất đầm chặt K85 phạm vi san nền, đất vét hữu cơ chỉ được tận dụng để đắp phạm vi công viên cây xanh.

- Hướng thoát nước từ trong nền các lô đất về phía mặt đường, vào các cửa thu của hệ thống thoát nước đặt trực tiếp trên mặt đường, vào mạng lưới cống dọc vỉa hè, sau đó đổ vào mương thoát nước hiện hữu.

- Dốc dọc san nền nhỏ nhất 0,6% để đảm bảo thoát nước.

- San lấp nền bằng đất, đầm nén đạt $K \geq 0,85$. Nền đất được đắp theo phương pháp đắp từng lớp với chiều dày (25-30) cm.

- Mái taluy nền đắp san nền 1:1,5.

- Mái taluy nền đào san nền 1:1.

- Cao độ san nền cao nhất là 26m tại vị trí trung tâm phía Tây của Khu liên hợp và cao độ nền thấp nhất là 12 m tại vị trí phía Đông Bắc của Khu liên hợp. Độ dốc san nền từ 0,6-2,4%.

b2) Thoát nước mưa:

- Mặt bằng hệ thống thoát nước mưa bám theo bình đồ tuyến đường. Nước mưa từ diện tích san nền, hè đường, mặt đường được định dốc đổ về phía mép đường và bó vỉa đường giao thông. Sau đó chảy dọc theo mép đường và bó vỉa đổ về hố thu. Nước từ hố thu được dẫn chảy vào hố ga rồi đổ vào cống thoát nước mưa.

- Bố trí hệ thống mương B600- B1200 bố trí dọc theo dải cây xanh cách ly các trục đường để thu gom nước mưa từ các khu vực thoát về mương dẫn dòng B3000 sau đó thoát ra 2 cửa xả bố trí ở phía Đông của Khu liên hợp.

- Độ dốc dọc đường ống thoát nước phụ thuộc vào cao độ và độ dốc dọc mặt đường hướng thoát nước, đảm bảo cao trình cửa xả thoát nước tốt, phù hợp với quy hoạch thoát nước mưa tổng thể.

- Cao độ đáy cống phụ thuộc vào cao độ đường và chiều cao đất đắp tối thiểu trên cống (30cm) và độ dốc dọc của cống. Chiều cao đắp trên trần cống tròn ngoài mặt đường $H_{\min}=50\text{cm}$.

- Độ dốc dọc cống thoát nước nhỏ nhất: $I_{\min}=1,0\text{‰}$.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Hiện trạng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt. Do đó, phương án quy hoạch cấp nước là thiết kế xây dựng hệ thống tuyến ống cấp nước sinh hoạt mới cho Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ. Nguồn nước cấp được đầu nối với tuyến ống cấp nước D100/110 HDPE hiện trạng cách ranh quy hoạch khoảng 100m do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi là đơn vị chủ quản.

- Tuyến ống cấp nước chính và phân phối dùng ống D150/160 HDPE, dày 9,5mm. Tuyến ống được đầu nối thành mạng vòng và bố trí các trụ cứu hỏa D100mm với khoảng cách 120m.

d) Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải cần xử lý: $1.562\text{m}^3/\text{ngày. đêm}$; chọn công suất trạm xử lý nước thải là $1.600\text{m}^3/\text{ngày. đêm}$

- Giải pháp thoát nước cho khu vực sẽ được tính toán trên cơ sở đảm bảo khả năng thoát nước nhanh nhất, không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh khu nhà máy.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất khoảng $1.600\text{m}^3/\text{ngày. đêm}$ bố trí nằm ở hướng Đông Bắc khu quy hoạch với quy mô diện tích 1,52ha để xử lý nước thải chung cho toàn khu liên hợp.

- Xây dựng các tuyến ống thu gom nước từ $\varnothing 300 - \varnothing 600$, dẫn về khu xử lý nước thải chung của khu liên hợp sau đó thải ra mương hiện trạng.

- Nước thải trong các khu vực xử lý, nhà điều hành... trước khi thải ra đường ống nước thải chung cần được xử lý cục bộ. Nước thải xử lý phải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Chú ý trong quá trình xây dựng cần có biện pháp thiết kế và gia cố khu vực miệng xả nước để tránh gây sạt lở, xói mòn...

đ) Quy hoạch hệ thống điện và chiếu sáng:

đ1) Phương án di dời:

- Tháo dỡ thu hồi tuyến đường dây trung thế 22kV đi trên không với chiều dài tuyến là 434m.

- Các trạm biến áp hiện có trong khu vực đầu nối vào lưới điện xây dựng mới.

đ2) Phương án xây dựng mới:

- Xây dựng mới 06 trạm biến áp 22/0,4kV cấp điện cho khu liên hợp. Trong quá trình triển khai thực hiện, tùy thuộc vào quy mô diện tích, công suất, công nghệ xử lý của từng khu vực nhà máy mà lựa chọn công suất cho phù hợp.

- Đường dây chiếu sáng dọc theo các đường nội bộ trong khu liên hợp.

- Xây dựng mới tuyến đường dây chiếu sáng đi kết hợp với đường dây trung thế với chiều dài tuyến là 3.627 m.

- Xây dựng mới tuyến đường dây chiếu sáng đi độc lập với chiều dài tuyến là 2.564 m.

(Phần chi tiết có Đồ án quy hoạch kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đồ án quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền, tổ chức công bố công khai và quản lý Quy hoạch theo quy định.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH XEM XÉT, THÔNG QUA

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp chuyên đề tháng 11 năm 2021.

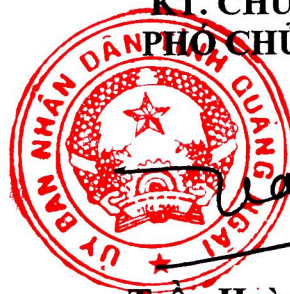
Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

(Dự thảo Nghị quyết kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- VPUB: CVP, PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 724).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000
Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030,
định hướng đến năm 2045**

DỰ THẢO

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày... tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 như nội dung Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng) đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 11 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, BKTNS().

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân